

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1124/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 593/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 499/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ T, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Hoàng N1**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: F1/35Y ấp S, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông N1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 27/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N trình bày:

Bà N và ông Lê Hoàng N1 bắt đầu chung sống từ năm 2011, do tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 22/9/2014 theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyền số

01/2014. Trong thời gian đầu chung sống, bà N và ông N1 sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2020 thì bà N và ông N1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông N1 về sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, không quay trở lại sống cùng mẹ con bà N tại An Giang nữa. Bà N đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông N1 quay lại chung sống với bà N nhưng ông N1 từ chối. Bà N đã không còn tình cảm với ông N1. Bà N và ông Nam đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hoàng N1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông Nam có 01 con chung tên là Lê Hồ Hoàng Minh T, sinh ngày 23/11/2014. Hiện nay cháu T đang sống cùng nhà với bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lê Hồ Hoàng Minh T; bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Hoàng N1 tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lê Hoàng N1 vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Hoàng N1. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “Ông Lê Hoàng N1, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú tại F1/35Y, tổ M, ấp S, xã V, huyện B, Thành phố

Hồ Chí Minh, hiện không còn sinh sống tại địa phương đã bán nhà đi đâu không rõ”. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Hoàng N1: Căn cứ theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Hoàng N1 hiện không còn sinh sống tại địa phương đã bán nhà bỏ đi đâu không rõ. Do vậy, ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã giải thích đầy đủ cho nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N về thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhằm đảm bảo việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lê Hoàng N1, tuy nhiên nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N không đồng ý thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng vì bà không có chi phí để thực hiện thủ tục này. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lê Hoàng N1 để ông Nam tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nam vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Theo đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyền số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp vào ngày 22/9/2014 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Huỳnh N và ông Lê Hoàng N1 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N xác định giữa bà và ông N1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N1.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo công văn số: 3545/UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông Nam ghi nhận: *“Qua xác minh thực tế, Ủy ban nhân dân xã V chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Hồ Thị Huỳnh N với ông Lê Hoàng N1. Do đó, Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ được nội dung nêu trên”*. Còn ông Lê Hoàng N1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N điều này cho thấy ông Nam đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Như vậy, bà N và ông N1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Huỳnh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống giữa bà N và ông N1 có 01 con chung tên là Lê Hồ Hoàng Minh T, sinh ngày 23/11/2014. Khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14/7/2023 thì cháu Lê Hồ Hoàng Minh T có nguyện vọng được sống cùng mẹ, còn ông N1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình về con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thư cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con cùng bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông N1 vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu của bà N, Tòa án không đặt ra để giải quyết, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N đối với bị đơn ông Lê Hoàng N1 về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Lê Hoàng N1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Huỳnh N và ông Lê Hoàng N1 chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp ngày 22/9/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Hồ Thị Huỳnh N được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Hồ Hoàng Minh T, sinh ngày 23/11/2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Huỳnh N không yêu cầu ông Lê Hoàng N1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Hoàng N1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Huỳnh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Hồ Thị Huỳnh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số

AA/2023/0019857 ngày 23/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Huỳnh N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thường Đông



